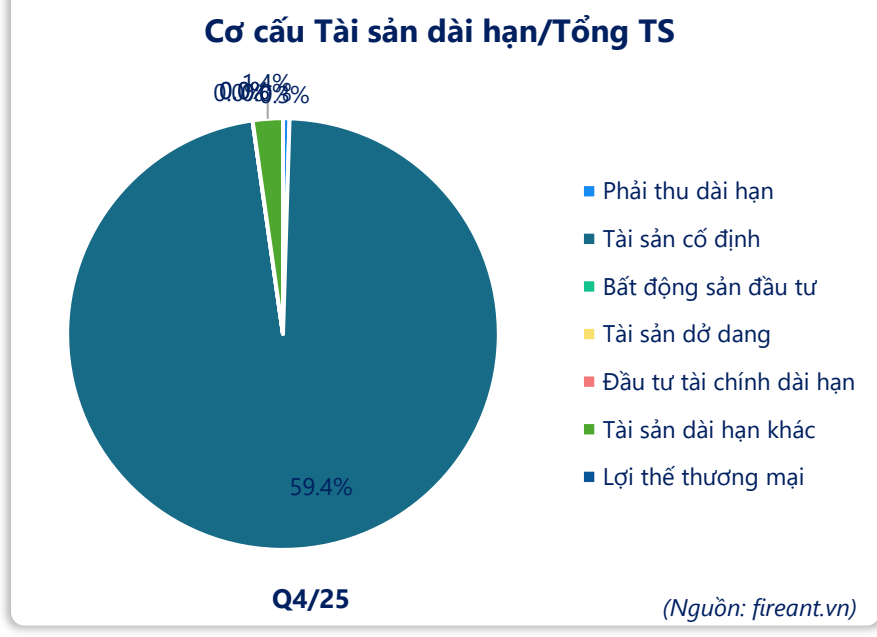
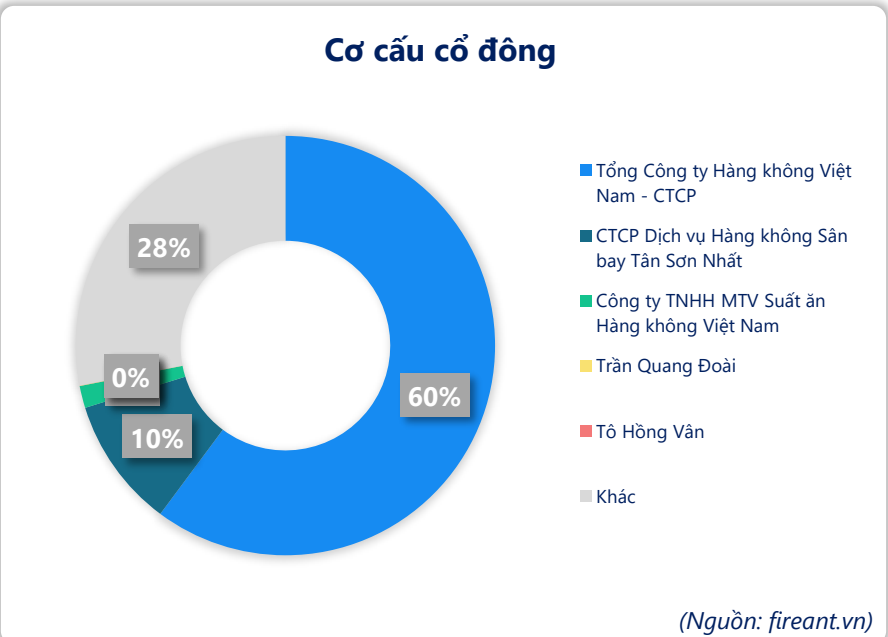
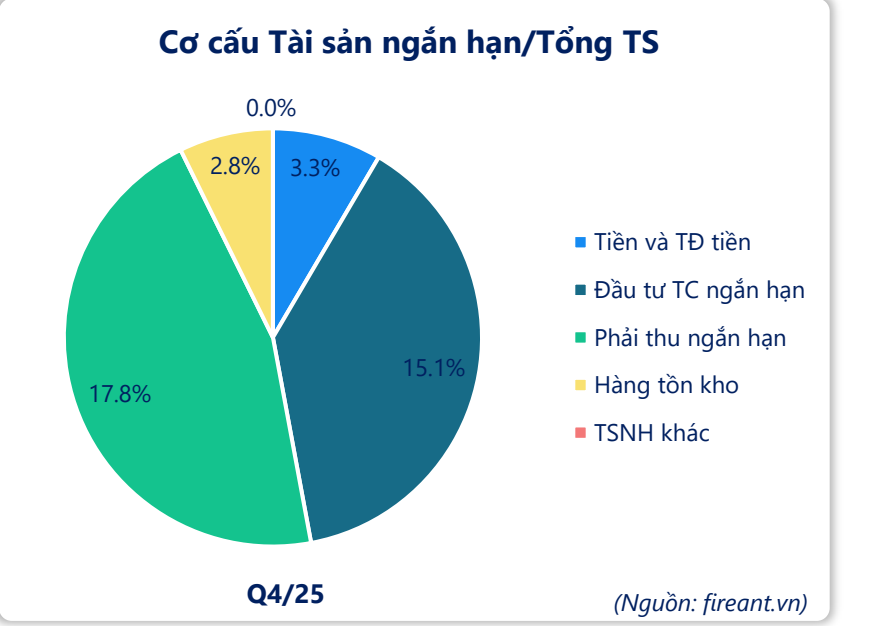
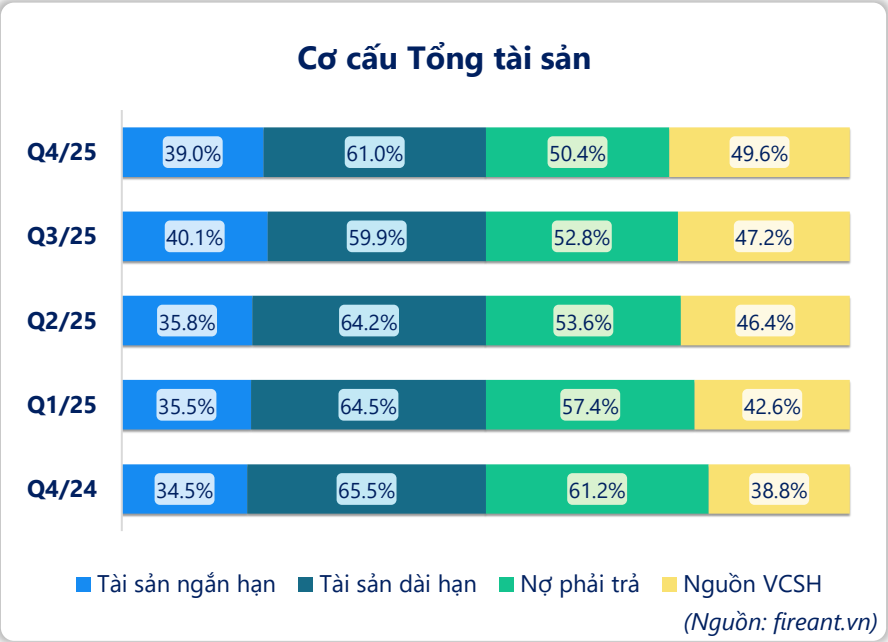
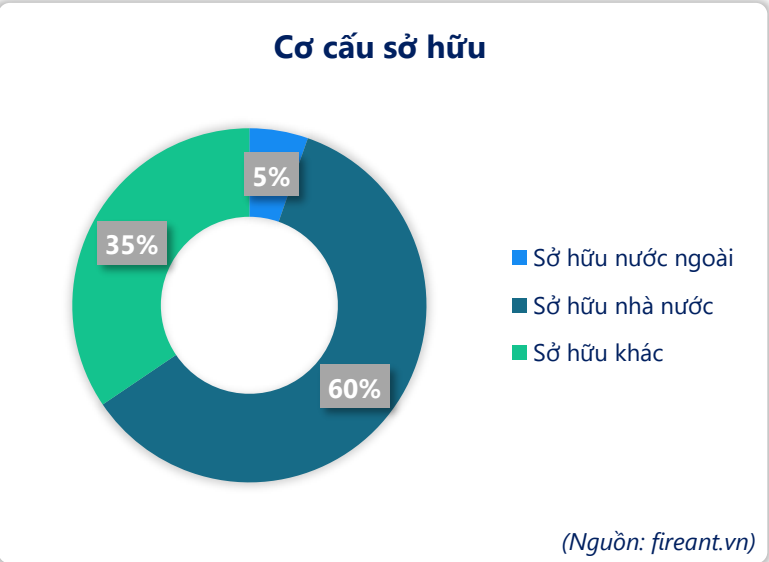
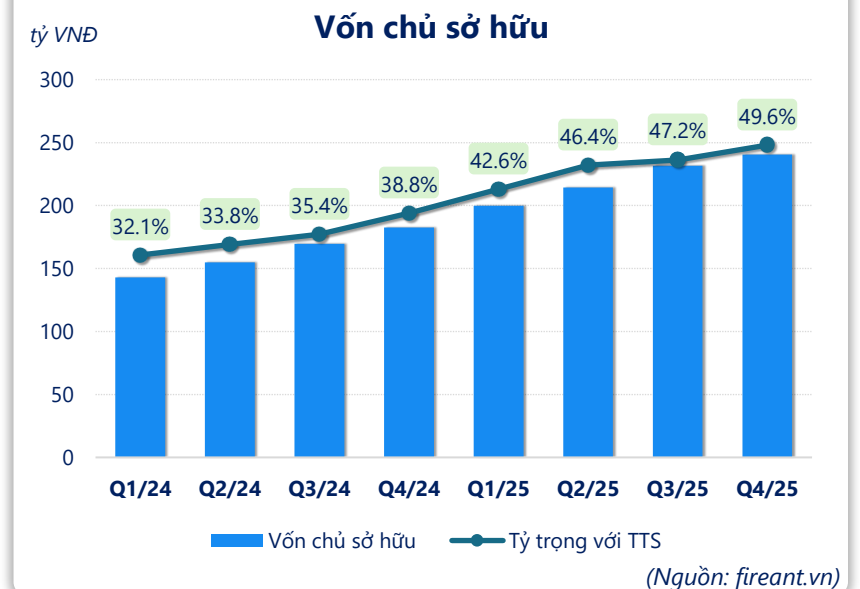
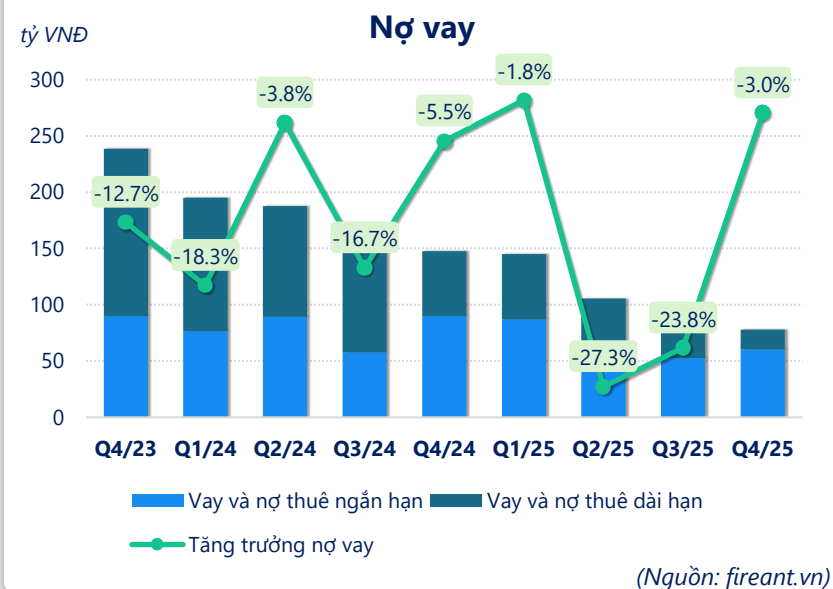
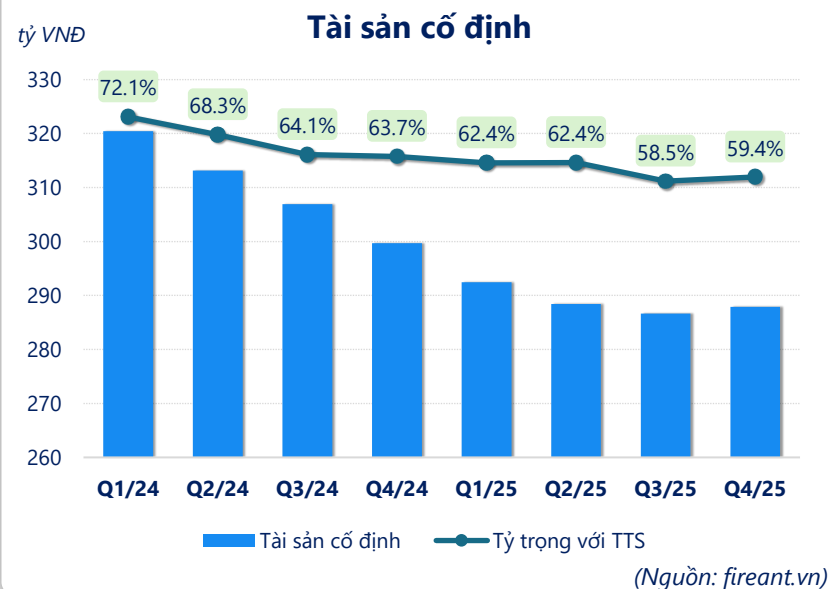
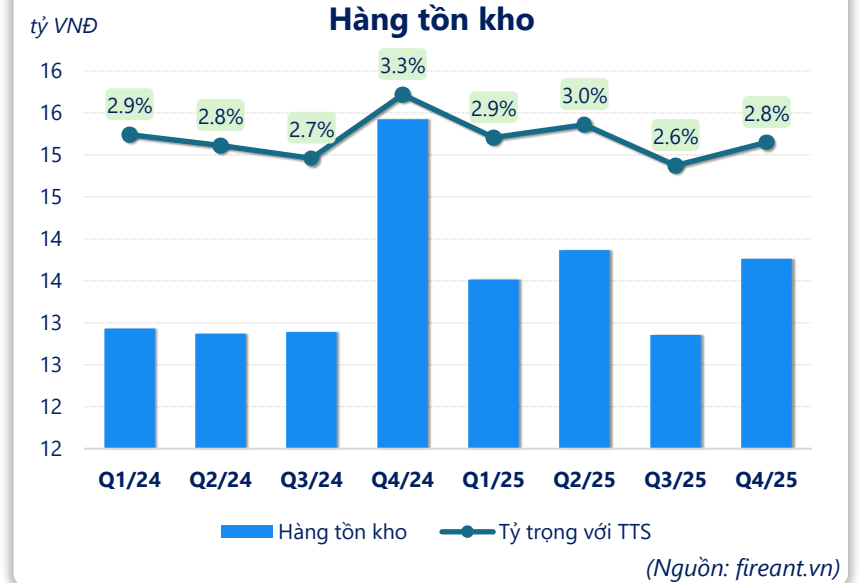
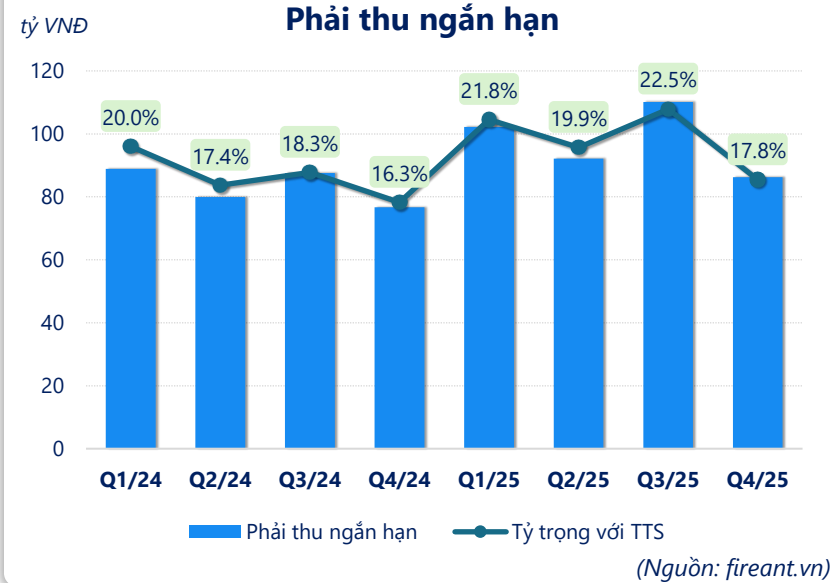
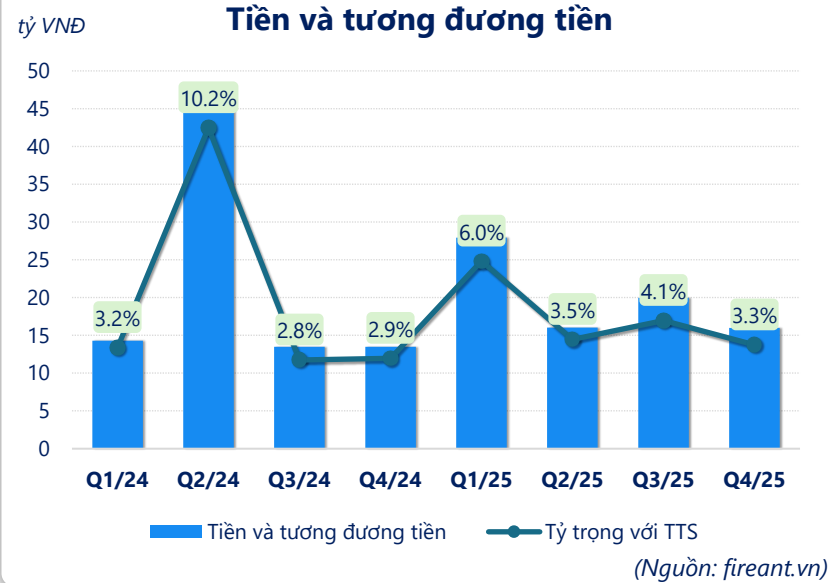
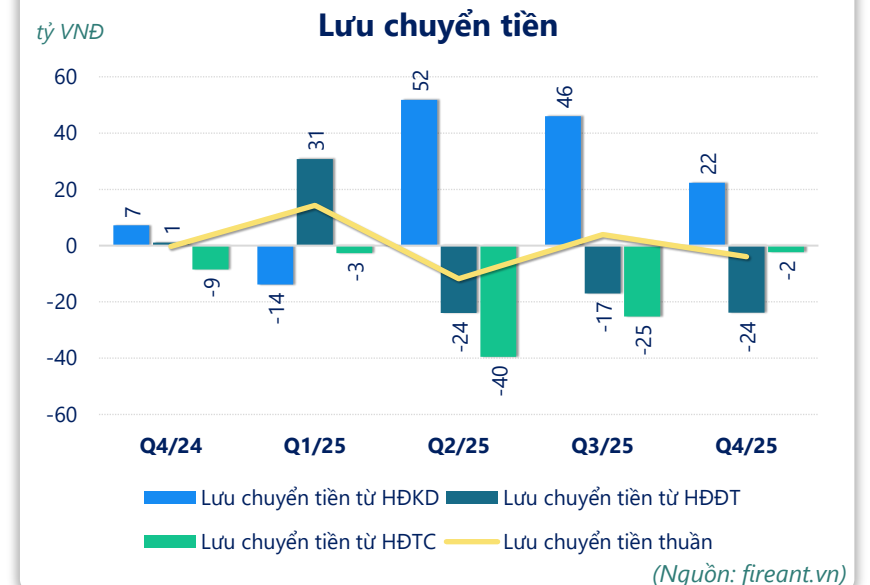
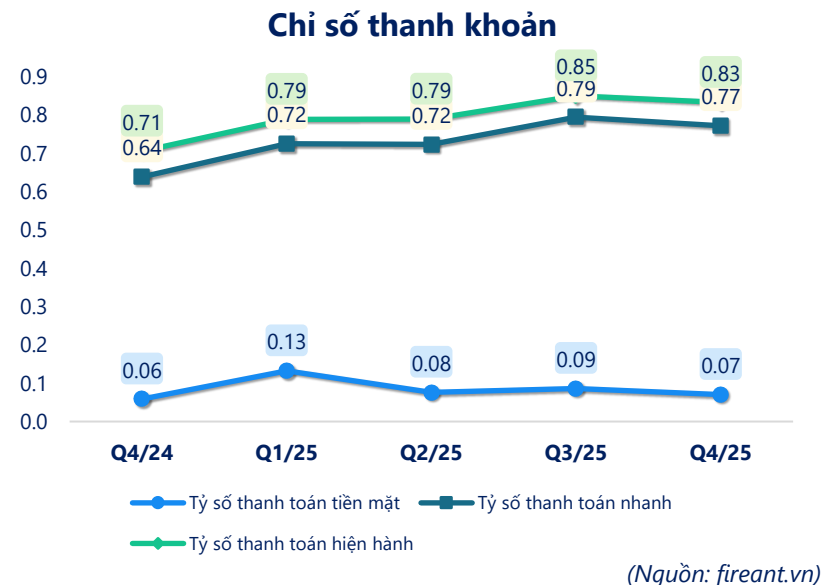
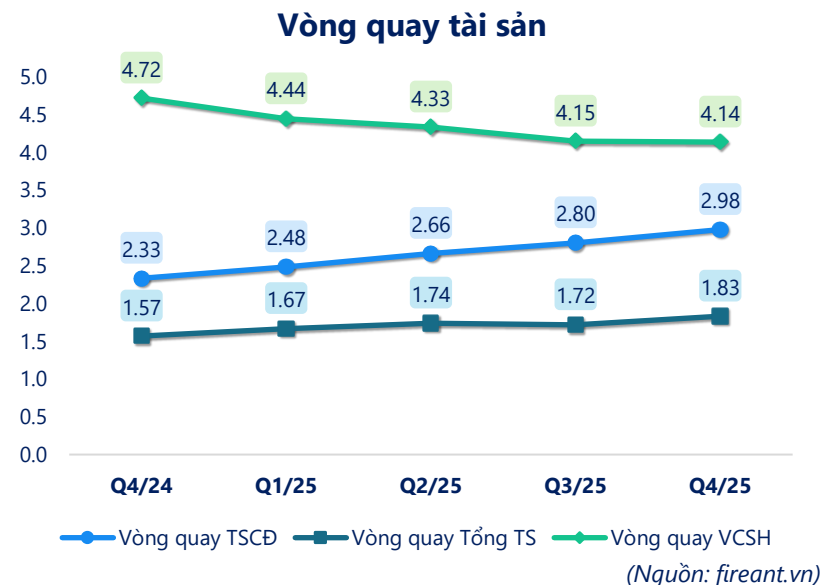
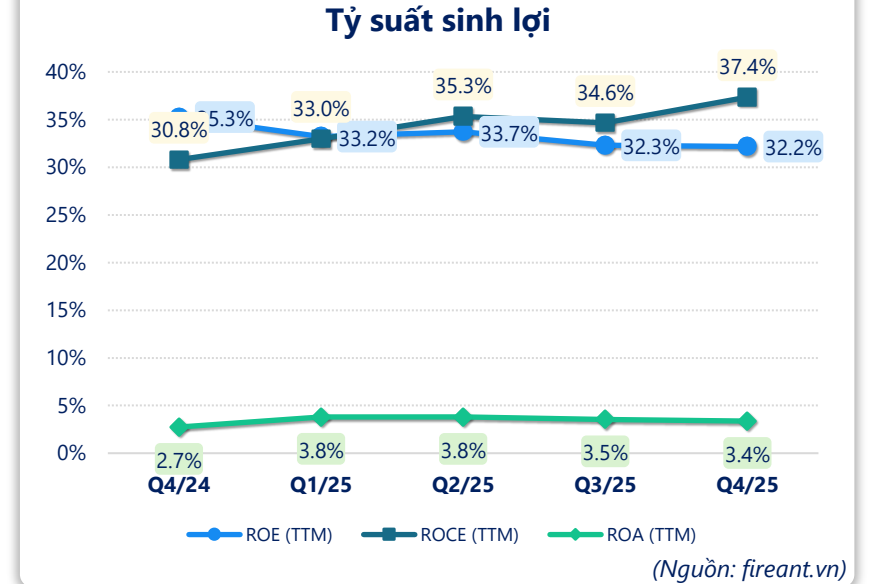
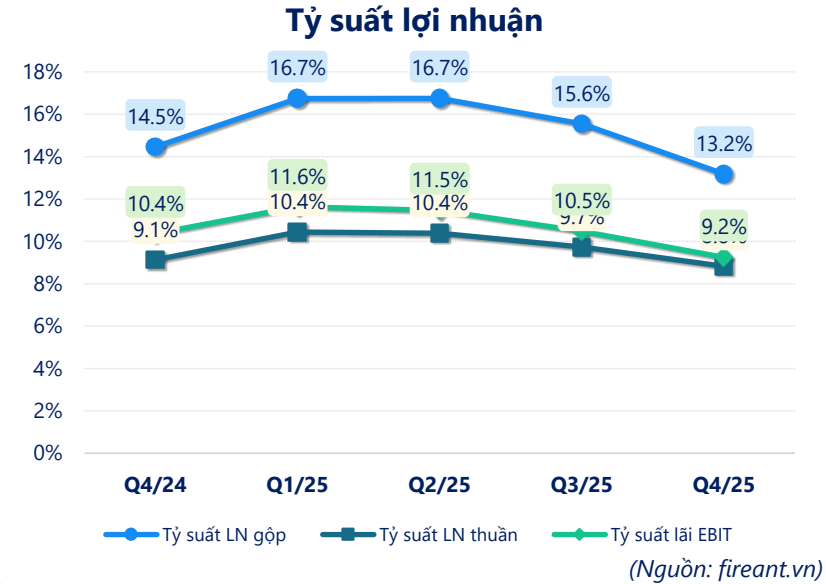
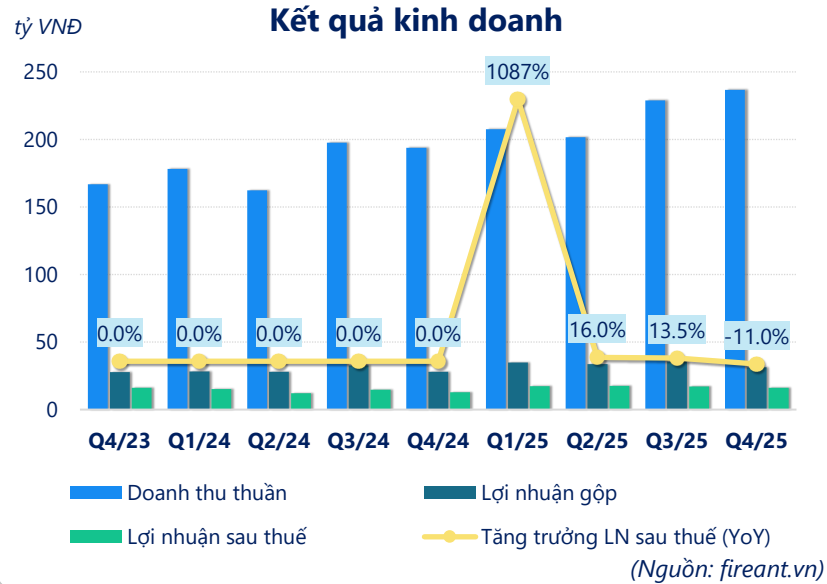


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		44,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,000
SL cổ phiếu LH		17,948,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,935
% sở hữu nước ngoài		5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		693
P/E		10.2
EPS		3,792

	YTD	1T	3T	6T
NCS	49.6%	-4.7%	-5.9%	24.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	485	472	2.8%
Tài sản ngắn hạn	189	161	17.3%
Tiền và tương đương tiền	16.0	13.5	18.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.0	53.0	37.7%
Phải thu ngắn hạn	86.3	78.5	9.9%
Hàng tồn kho	13.8	15.4	-10.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.77	-100%
Tài sản dài hạn	296	311	-4.8%
Phải thu dài hạn	1.44	0.56	156%
Tài sản cố định	288	300	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.67	10.6	-37.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	244	290	-15.6%
Nợ ngắn hạn	227	232	-2.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.4	89.8	-32.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	78.5	74.9	4.8%
Nợ dài hạn	17.5	57.9	-69.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	17.5	57.9	-69.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	241	182	31.8%
Vốn chủ sở hữu	241	182	31.8%
Vốn điều lệ	179	179	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	194	208	202	229	237
Giá vốn hàng bán	166	173	168	193	205
Lợi nhuận gộp	28.0	34.8	33.8	35.6	31.2
Doanh thu HĐTC	1.81	1.24	0.91	1.22	2.58
Chi phí TC	2.48	2.55	2.27	1.71	1.60
Chi phí lãi vay	2.35	2.44	2.14	1.70	1.42
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.22	4.09	3.81	4.15	3.59
Chi phí QLDN	6.44	7.69	7.67	8.69	7.71
LN thuần từ HĐKD	17.7	21.7	20.9	22.3	20.9
Lợi nhuận khác	0.03	0.03	0.03	0.00	-0.43
LN trước thuế	17.7	21.7	21.0	22.3	20.5
Lợi nhuận sau thuế	12.8	17.4	17.5	17.1	16.1
LNST của CĐ cty mẹ	12.8	17.4	17.5	17.1	16.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.22	-13.8	51.8	46.0	22.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.04	30.8	-24.0	-17.0	-23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.52	-2.68	-39.5	-25.1	-2.39
Tiền đầu kỳ	13.5	13.5	27.9	16.0	20.0
Lưu chuyển tiền thuần	-0.26	14.3	-11.8	3.91	-3.92
Ảnh hưởng tỷ giá	0.26	0.16	-0.15	0.02	-0.05
Tiền cuối kỳ	13.5	27.9	16.0	20.0	16.0

(Nguồn: fireant.vn)